

Phụ lục 01
TỔNG HỢP VĂN BẢN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH,
PHÁP LUẬT VỀ NGUỒN NHÂN LỰC CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH
GIAI ĐOẠN 2021-2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND
ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Ký hiệu văn bản	Nội dung	Ngày ban hành
1	Chương trình hành động số 07-CTr/TU của Tỉnh ủy Bình Định	Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 - 2025”	14/5/2021
2	Quyết định số 322-QĐ/TU của Tỉnh ủy Bình Định	Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy Bình Định	17/6/2022
3	Quyết định số 01-QĐ/BCĐ của Ban Chỉ đạo	Ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy	18/11/2021
4	Chương trình số 01-CTr/BCĐ của Ban Chỉ đạo	Chương trình làm việc của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy	18/11/2021
5	Thông báo số 01-TB/BCĐ của Ban Chỉ đạo	Phân công thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy	18/11/2021
6	Quyết định số 3807/QĐ-UBND của UBND tỉnh	Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 - 2025	14/9/2021
7	Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	Về việc kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định một số chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ	23/03/2022
8	Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND của	Về việc kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về	15/4/2022

STT	Ký hiệu văn bản	Nội dung	Ngày ban hành
	UBND tỉnh	việc quy định một số chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ	
9	Nghị Quyết số 22/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	Ban hành Quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 – 2025	20/7/2022
10	Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh	Ban hành Quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 – 2025	8/8/2022
11	Quyết định số 4480/QĐ-UBND của UBND tỉnh	Ban hành Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025	10/11/2021
12	Quyết định số 3025/QĐ-UBND của UBND tỉnh	Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	20/7/2021
13	Quyết định số 3069/QĐ-UBND của UBND tỉnh	Về việc ban hành Chương trình giải quyết việc làm tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025	22/7/2021
14	Quyết định số 4221/QĐ-UBND của UBND tỉnh	Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025	19/10/2021
15	Kế hoạch số 107/KH-UBND của UBND tỉnh	Triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức và đào tạo nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025” trên địa bàn tỉnh Bình Định	19/10/2021
16	Kế hoạch số 123/KH-UBND của UBND tỉnh	Về việc tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng dạy và học giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	30/12/2021
17	Kế hoạch số 17-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Về thực hiện công tác quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý	21/02/2022
18	Kế hoạch số 67/KH-UBND của UBND tỉnh	Triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm	04/5/2022

STT	Ký hiệu văn bản	Nội dung	Ngày ban hành
		2030” trên địa bàn tỉnh Bình Định.	
19	Quyết định số 1479/QĐ-UBND của UBND tỉnh	Phê duyệt Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021.	23/4/2021
20	Kế hoạch số 19/KH-UBND của UBND tỉnh	Ban hành Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022.	17/02/2022
21	Kế hoạch số 19/KH-UBND của UBND tỉnh	Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023.	14/02/2023
22	Kế hoạch số 21/KH-UBND của UBND tỉnh	Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2024.	02/02/2024
23	Quyết định số 299/QĐ-UBND của UBND tỉnh	Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025	02/02/2023
24	Quyết định số 71/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh	Về việc ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Định	13/11/2023
25	Quyết định số 2106/QĐ-UBND của UBND tỉnh	Về việc ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030	13/6/2023
26	Quyết định số 2151/QĐ-UBND của UBND tỉnh	V/v phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2024	19/6/2024
27	Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh	Về thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Bình Định đến năm 2025	08/01/2024

QUY MÔ, SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Người

STT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số	Trình độ đào tạo (chuyên môn)			Ghi chú
			Sau đại học (tiến sĩ, thạc sĩ và tương đương)	Đại học	Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	
I	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NHÀ NƯỚC THUỘC TỈNH QUẢN LÝ					
*	Năm 2021	31.676	2.192	22.926	6.558	
1	Công chức cấp tỉnh, huyện	2.173	514	1.605	54	
2	Viên chức cấp tỉnh, huyện	26.411	1.610	18.931	5.870	
3	Cán bộ công chức cấp xã	3.092	68	2.390	634	
*	Năm 2024	30.927	3.061	22.738	5.128	
1	Công chức cấp tỉnh, huyện	2.001	686	1.289	26	
2	Viên chức cấp tỉnh, huyện	25.805	2.248	18.741	4.816	
3	Cán bộ công chức cấp xã	3.121	127	2.708	286	
II	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NHÀ NƯỚC CỦA TRUNG ƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH					
*	Năm 2021	839	620	157	62	
1	Trường Đại học Quy Nhơn (trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo)	719	561	99	59	
2	Trường Cao đẳng nghề Cơ điện- Xây dựng và Nông lâm Trung bộ (trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT)	120	59	58	3	
*	Năm 2024	834	624	151	59	
1	Trường Đại học Quy Nhơn (trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo)	711	556	102	53	
2	Trường Cao đẳng nghề Cơ điện- Xây dựng và Nông lâm Trung bộ (trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT)	123	68	49	6	
III	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ HIỆP QUẢN CỦA TRUNG ƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH					
*	Năm 2021	2.520	335	1.492	693	
1	Cục Quản lý Thị trường, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Cục Thi hành án tỉnh, Cục Thống kê tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Bệnh viện Da liễu Trung ương Quy Hòa, Bệnh viện Chỉnh hình và phục hồi chức năng	2.520	335	1.492	693	
*	Năm 2024	2.511	524	1.475	512	
1	Cục Quản lý Thị trường, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Cục Thi hành án tỉnh, Cục Thống kê tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Bệnh viện Da liễu Trung ương Quy Hòa, Bệnh viện Chỉnh hình và phục hồi chức năng	2.511	524	1.475	512	

Phụ lục 03

QUY MÔ TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO CỦA CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Sinh viên/Học viên

STT	Đơn vị, cơ sở đào tạo	Quy mô tuyển sinh	Giới tính		Phân loại theo trình độ đào tạo				Phân loại theo nhóm ngành					Ghi chú	
			Nam	Nữ	Sau đại học	Đại học	Cao đẳng - Trung cấp	Khác	CNTT/ Trí tuệ nhân tạo	Sư phạm	Kỹ thuật	Kinh tế	Y, dược sĩ, điều dưỡng ...		Khác
I	TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN														
1	Năm 2021	5.053	1.477	3.576	508	4.545			398	1.253	514	1.301	0	1.587	
2	Năm 2022	4.072	1.258	2.814	407	3.665			333	908	530	640	0	1.661	
3	Năm 2023	4.426	1.419	3.007	354	4.072			381	925	484	789	0	1.847	
4	Năm 2024	5.009	1.652	3.357	400	4.609			438	859	737	941	0	2.034	
II	TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT - PHÂN HIỆU TẠI BÌNH ĐỊNH														
1	Năm 2021	0	0	0		0			0	0	0	0	0	0	
2	Năm 2022	0	0	0		0			0	0	0	0	0	0	
3	Năm 2023	301	187	114		301			183	0	0	118	0	0	
4	Năm 2024	250	139	111		250			138	0	0	86	0	26	
III	TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUANG TRUNG														
1	Năm 2021	87	47	40		87			1	0	13	11	0	62	
2	Năm 2022	62	27	35		62			0	0	14	8	0	40	
3	Năm 2023	133	47	86		133			10	0	4	41	0	78	
4	Năm 2024	417	71	346		417			7	0	15	16	0	379	

STT	Đơn vị, cơ sở đào tạo	Quy mô tuyển sinh	Giới tính		Phân loại theo trình độ đào tạo				Phân loại theo nhóm ngành						Ghi chú
			Nam	Nữ	Sau đại học	Đại học	Cao đẳng - Trung cấp	Khác	CNTT/ Trí tuệ nhân tạo	Sư phạm	Kỹ thuật	Kinh tế	Y, dược sĩ, điều dưỡng ...	Khác	
IV	TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ CƠ ĐIỆN - XÂY DỰNG VÀ NÔNG LÂM TRUNG BỘ														
1	Năm 2021	1.228	942	223			1.165	63	53	0	791	0	0	384	
2	Năm 2022	1.295	968	293			1.261	34	36	0	751	0	0	508	
3	Năm 2023	1.400	1.130	168			1.298	102	62	0	812	20	0	506	
4	Năm 2024	1.375	1.006	173			1.179	196	19	0	738	30	0	588	
V	TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ QUY NHƠN														
1	Năm 2021	1.933	1.673	260			1.933		166	0	1.152	0	0	615	
2	Năm 2022	1.951	1.642	309			1.951		322	0	1.002	0	0	627	
3	Năm 2023	2.100	1.734	366			2.100		207	0	994	0	0	899	
4	Năm 2024	1.854	1.527	327			1.854		148	0	1.076	0	0	630	
VI	TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BÌNH ĐỊNH														
1	Năm 2021	147	16	131			147		0	0	0	0	147	0	
2	Năm 2022	238	36	202			238		0	0	0	0	238	0	
3	Năm 2023	287	40	247			287		0	0	0	0	287	0	
4	Năm 2024	478	74	404			478		0	0	0	0	478	0	

Phụ lục 04

**BIỂU TỔNG HỢP CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CHO GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ
TỪ NĂM 2021-2024**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1	Tổng chi ngân sách địa phương	25.074	28.285	26.033	19.274	
2	Tổng chi ngân sách địa phương cho giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.621	3.879	4.177	4.044	
	- Tỷ trọng trong chi ngân sách địa phương (%)	14,4	13,7	16,0	21,0	
	Chia ra:					
2.1.	Chi đầu tư phát triển	474	534	579	593	
	- Tỷ trọng trong chi ngân sách địa phương cho giáo dục - đào tạo và dạy nghề (%)	13,1	13,8	13,9	14,7	
2.2.	Chi thường xuyên	3.147	3.345	3.598	3.451	
	- Tỷ trọng trong chi ngân sách địa phương cho giáo dục - đào tạo và dạy nghề (%)	86,9	86,2	86,1	85,3	

BÁO CÁO

Chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển và sử dụng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao” giai đoạn 2021 - 2024

Kính gửi: Đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Thực hiện Kế hoạch số 943/KH-ĐGS ngày 19/9/2024 của Đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Kế hoạch số 12/KH-ĐDBQH/ĐGS ngày 24/12/2024 của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Định về việc giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển và sử dụng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao” giai đoạn 2021 – 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo kết quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển và sử dụng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2021 - 2024 như sau:

I. VIỆC THỂ CHẾ HÓA CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ PHÁT TRIỂN VÀ SỬ DỤNG NGUỒN NHÂN LỰC, NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO GIAI ĐOẠN 2021 – 2024

1. Hệ thống các văn bản Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị định, quyết định, thông tư, chiến lược, đề án, chương trình... của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, các cơ quan, tổ chức ở Trung ương đã ban hành thực hiện theo một quy trình rất chặt chẽ của pháp luật hiện hành, đảm bảo tuân thủ Hiến pháp, đồng thời cụ thể hóa các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về phát triển và sử dụng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2021-2024.

Đề thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển nguồn nhân lực, Nhà nước đã ban hành trên 10 bộ luật, luật có liên quan đến phát triển nguồn nhân lực như: Bộ luật Lao động sửa đổi năm 2019; Luật Giáo dục đại học sửa đổi năm 2018; Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014; Luật Giáo dục sửa đổi năm 2019; Luật Việc làm năm 2013; Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017; Luật Thanh niên năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2020... Căn cứ các bộ luật, luật được ban hành, Chính phủ đã ban hành nhiều Nghị định để triển khai thực hiện và các Bộ ban hành các Thông tư, Quyết định, văn bản hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện.

Căn cứ quy định trên, Chính phủ đã ban hành các chiến lược, chương trình phát triển nguồn nhân lực như: Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược quốc gia phát triển đội ngũ trí thức đến năm 2030; Chiến lược

về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021- 2030,....

Việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật về phát triển và sử dụng nguồn nhân lực trong những năm qua đã tạo được hành lang pháp lý, tạo điều kiện cho đất nước cũng như các địa phương trong cả nước thu hút và đào tạo được đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao lớn mạnh về số lượng, hiệu quả về chất lượng và cơ cấu trên nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, đáp ứng tốt nhu cầu phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế. triển khai thực hiện tại địa phương có tính bao quát, đồng bộ, có tính thực tiễn, tạo điều kiện cho địa phương dễ áp dụng và thực hiện có hiệu quả.

2. Đối với công tác phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bình Định rất quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành đến lĩnh vực này, để đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cụ thể: Tỉnh ủy Bình Định đã ban hành Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 - 2025”; Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 322-QĐ/TU ngày 17/6/2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy gồm 19 đồng chí của các sở, ban, ngành, đơn vị làm thành viên do đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban Ban chỉ đạo; Xây dựng Quy chế làm việc¹; Chương trình làm việc² và Phân công nhiệm vụ³ cụ thể cho các thành viên Ban Chỉ đạo; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3807/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 về Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy, trong đó phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành, đoàn thể và các địa phương liên quan để triển khai thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo các mục tiêu, nhiệm vụ trong Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy.

Thực hiện Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 31/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 11/12/2023 thực hiện Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm triển khai các nhiệm vụ có liên quan tại Quyết định trên.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh kéo dài thời gian thực hiện Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định về chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ giai đoạn 2016 – 2021; Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chính sách thu hút nguồn

¹ Quyết định số 01-QĐ/BCĐ ngày 18/11/2021 của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy.

² Chương trình số 01-CTr/BCĐ ngày 18/11/2021 của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy.

³ Thông báo số 01-TB/BCĐ ngày 18/11/2021 của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy.

nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 – 2025. Các sở, ngành của tỉnh đã ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh về chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025.

Bên cạnh đó, Tỉnh tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo và Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 ban hành quy định về chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo giai đoạn 2021-2025.

Hàng năm, UBND tỉnh xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh cũng như xây dựng kế hoạch thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Bình Định đến năm 2025.

Trên cơ sở lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành về việc phát triển và sử dụng nguồn nhân lực, nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, dự kiến phấn đấu hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu được giao⁴ tại Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

- Các văn bản do cấp Tỉnh ban hành về phát triển và sử dụng nguồn nhân lực, nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

(Chi tiết có Phụ lục 01 kèm theo)

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG NGUỒN NHÂN LỰC, NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO CỦA ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2024

1. Đối với các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập của Nhà nước ở địa phương

- Quy mô, số lượng, cơ cấu

+ Đối với các cơ quan, đơn vị của Nhà nước thuộc Tỉnh quản lý⁵:

Năm 2021, tổng số công chức, viên chức toàn tỉnh là 31.676 nhân lực, trong đó có: 2.173 công chức cấp tỉnh, huyện; 26.411 viên chức cấp tỉnh, huyện; 3.092 cán bộ, công chức cấp xã. Đến năm 2024, tổng số công chức, viên chức toàn tỉnh là 30.927 nhân lực, trong đó có: 2.001 công chức cấp tỉnh, huyện; 25.805 viên chức cấp tỉnh, huyện; 3.121 cán bộ, công chức cấp xã.

+ Đối với các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập Nhà nước của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh⁶:

⁴ Trong 04 chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình, dự kiến đạt (02 chỉ tiêu) và vượt (02 chỉ tiêu) theo kế hoạch đề ra, cụ thể:
- Chỉ tiêu đạt kế hoạch: 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt chuẩn chức danh theo quy định; Đào tạo 650 nhân lực sau đại học (thạc sĩ và tương đương) trong đó phần đầu đào tạo ít nhất 10 tiến sĩ.
- Chỉ tiêu Ước vượt kế hoạch đề ra: Tỷ lệ lao động qua đào tạo, bồi dưỡng nghề đạt 66%; Bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho 30.000 lao động.

⁵ Văn bản số 7259/SNV-CCVC ngày 10/12/2024 của Sở Nội vụ.

⁶ Trường Đại học Quy Nhơn, Trường Cao đẳng Cơ điện – Xây dựng và Nông lâm Trung Bộ.

Năm 2021, tổng số công chức, viên chức, người lao động toàn tỉnh là 839 nhân lực. Đến năm 2024, tổng số công chức, viên chức, người lao động toàn tỉnh là 834 nhân lực.

+ Đối với các cơ quan, đơn vị hiệp quản Nhà nước của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh⁷:

Năm 2021, tổng số công chức, viên chức, người lao động toàn tỉnh là 2.520 nhân lực. Đến năm 2024, tổng số công chức, viên chức, người lao động toàn tỉnh là 2.511 nhân lực.

- Chất lượng, trình độ đào tạo:

+ Đối với các cơ quan, đơn vị của Nhà nước thuộc Tỉnh quản lý⁵:

Năm 2021, trình độ sau đại học và tương đương là 2.192 nhân lực; Trình độ đại học là 22.926 nhân lực; Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp là 6.558 nhân lực. Đến năm 2024, trình độ sau đại học và tương đương là 3.061 nhân lực; Trình độ đại học là 22.738 nhân lực; Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp là 5.128 nhân lực.

+ Đối với các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập Nhà nước của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh⁶:

Năm 2021, trình độ sau đại học và tương đương là 620 nhân lực; Trình độ đại học là 157 nhân lực; Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp là 62 nhân lực. Đến năm 2024, trình độ sau đại học và tương đương là 624 nhân lực; Trình độ đại học là 151 nhân lực; Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp là 59 nhân lực.

+ Đối với các cơ quan, đơn vị hiệp quản Nhà nước của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh⁷:

Năm 2021, trình độ sau đại học và tương đương là 335 nhân lực; Trình độ đại học là 1.492 nhân lực; Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp là 693 nhân lực. Đến năm 2024, trình độ sau đại học và tương đương là 524 nhân lực; Trình độ đại học là 1.475 nhân lực; Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp là 512 nhân lực.

(Chi tiết có Phụ lục 02 kèm theo)

2. Đối với tổ chức, các loại hình doanh nghiệp (doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp ngoài quốc doanh; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; doanh nghiệp liên doanh) ở địa phương

Trên địa bàn tỉnh Bình Định hiện có khoảng 8.000 doanh nghiệp đang hoạt động với số lao động đang làm việc khoảng 156.000 người (nữ chiếm 43,36%). Trong đó có 11 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và có vốn nhà nước chi phối với số lao động khoảng 4.000 người, 61 doanh nghiệp FDI với số lao động khoảng 15.400 người, còn lại là doanh nghiệp dân doanh; Số doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu kinh tế có 212 doanh nghiệp với tổng số lao động 23.660 người. DN sử dụng dưới 10 lao động chiếm tỷ lệ 70,2%; DN nhỏ và siêu nhỏ chiếm khoảng 94% trong tổng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

⁷ Cục Quản lý Thị trường, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Cục Thi hành án tỉnh, Cục Thống kê tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quy Hòa, Bệnh viện Chỉnh hình và phục hồi chức năng.

- Số lao động trong doanh nghiệp đã qua đào tạo nghề đạt khoảng 76% so với tổng số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp. Còn lại là số lao động chưa qua đào tạo. Chất lượng lao động nhìn chung đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng lao động.

- Giai đoạn qua, công tác đảm bảo việc làm cho người lao động luôn được các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh quan tâm, thực hiện; công tác tuyển dụng và quản lý lao động được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo đúng quy định của pháp luật lao động, tiền lương và thu nhập của người lao động không ngừng tăng lên hàng năm (tiền lương bình quân tăng từ 4,5 – 5,5 triệu đồng năm 2021 lên 6,5 – 7,5 triệu đồng năm 2024), các chế độ phúc lợi cho người lao động được thực hiện đầy đủ. Bên cạnh đó, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thường xuyên chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm Bình Định tăng cường công tác thông tin thị trường lao động, kết nối cung - cầu lao động, bình quân hàng năm cung ứng, giới thiệu việc làm cho khoảng 5.000 – 7.000 lượt người.

- Về tỷ lệ tham gia BHXH, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với BHXH tỉnh triển khai nhiều giải pháp để phát triển lao động thuộc khu vực phi chính thức tham gia BHXH; thực hiện rà soát dữ liệu đơn vị sử dụng lao động, tập trung tuyên truyền, khai thác, phát triển lao động thuộc các doanh nghiệp tư nhân tham gia BHXH.

- Số lượng doanh nghiệp tư nhân và lao động trong các doanh nghiệp tư nhân tham BHXH tăng qua từng năm, năm sau cao hơn năm trước; năm 2021 có 3.239 doanh nghiệp, với 74.374 lao động tham gia BHXH, đến năm 2024 có khoảng 4.793 doanh nghiệp, có 89.132 lao động tham gia BHXH (năm 2024 tăng 523 doanh nghiệp, với 2.434 lao động tham gia BHXH), tăng 1.554 doanh nghiệp (tỷ lệ 47,98%) và 14.758 lao động (tỷ lệ 19,84%) so với năm 2021.

- Về năng suất lao động⁸: Trong giai đoạn 2021 - 2024, năng suất lao động của nền kinh tế trên địa bàn tỉnh tính theo giá hiện hành liên tục được tăng lên; Năm 2021, năng suất lao động bình quân đạt 117,94 triệu đồng/người và đến năm 2024, năng suất lao động bình quân tăng lên đạt 154,49 triệu đồng/người và mức tăng này đã tăng hơn 13,02 triệu người so với năm 2023, đem lại tín hiệu khả quan đối với nền kinh tế của tỉnh.

3. Tình trạng dịch chuyển lao động có trình độ chuyên môn cao khu vực công sang khu vực kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tình trạng “chảy máu chất xám” (lao động chất lượng cao là người Việt Nam được đào tạo ở nước ngoài không về nước)

Tình trạng chuyển dịch lao động có trình độ chuyên môn cao khu vực công sang khu vực kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tình trạng “chảy máu chất xám” trong một số ngành, lĩnh vực chưa có nhiều biến động rõ rệt; các vị trí việc làm thuộc các ngành, lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế trên địa bàn tỉnh vẫn thu hút được nguồn nhân lực đảm bảo chất lượng, yêu cầu, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tham gia tuyển dụng.

⁸ Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh Bình Định.

Diễn hình, trong giai đoạn 2021-2024, Trường Đại học Quy Nhơn có 25 viên chức có trình độ cao thôi việc hoặc chuyển công tác. Có 20 viên chức nghỉ việc thì trong đó có 09 viên chức có trình độ tiến sĩ và có 10 viên chức được đào tạo ở nước ngoài (Mỹ, Đức, Hàn Quốc, ...). Có 05 viên chức chuyển công tác đến các đơn vị khác, trong đó có 04 viên chức có trình độ phó giáo sư, tiến sĩ. Trong số các viên chức thôi việc, nhiều viên chức là giảng viên được Trường cử đi học nghiên cứu sinh ở nước ngoài. Tình trạng trên trong thời gian qua ảnh hưởng rất lớn đến việc triển khai các kế hoạch chiến lược và hoạt động của Trường Đại học Quy Nhơn. Việc “chảy máu chất xám” đã dẫn đến một số chương trình đào tạo chất lượng cao của Trường đã không thể triển khai như định hướng; công tác hợp tác đào tạo và nghiên cứu cũng bị chững lại.

Tuy nhiên, trường hợp khác, Trường Đại học FPT - Phân hiệu tại tỉnh Bình Định được thành lập tại tỉnh Bình Định là đơn vị ngoài Nhà nước có 108 đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động (giảng viên: 50 người, cán bộ quản lý: 8 người, cán bộ nhân viên: 50 người) tuyển sinh đào tạo các ngành phục vụ trực tiếp hoặc liên quan đến Kinh tế số/Công nghiệp 4.0 như: Software Engineering (Kỹ thuật phần mềm); Cyber Security (An ninh Mạng); Artificial Intelligence (Trí tuệ nhân tạo) Digital Automotive Engineering (Công nghệ ô tô số); Digital Art Design (Thiết kế mỹ thuật số),... có tiềm lực tài chính vững mạnh, đủ điều kiện để đầu tư, xây dựng cho Phân hiệu tại tỉnh Bình Định cũng như bảo đảm chế độ cho đội ngũ giảng viên, cán bộ công nhân viên và các hoạt động khác của Phân hiệu, do đó việc “chảy máu chất xám” đối với Trường Đại học FPT - Phân hiệu tại tỉnh Bình Định thời gian qua chưa xảy ra.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN, SỬ DỤNG NGUỒN NHÂN LỰC, NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO GIAI ĐOẠN 2021 – 2024

1. Về phát triển nguồn nhân lực, nguồn nhân lực chất lượng cao

1.1. Kết quả đạt được

- Công tác đào tạo nguồn nhân lực của các trường đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, tích hợp công nghệ và đổi mới phương pháp giảng dạy.

Trường Đại học Quy Nhơn luôn quan tâm công tác đào tạo bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ viên chức đảm bảo số lượng, chất lượng, tiêu chuẩn chức danh, tiêu chuẩn chính trị. Giai đoạn 2021- 2024, Trường đã cử 955 lượt viên chức đi học tập và bồi dưỡng, trong đó: Cử 85 viên chức đi bồi dưỡng lý luận chính trị; 187 viên chức tham gia bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh; 64 viên chức đi học cao học và nghiên cứu sinh trong và ngoài nước; 92 viên chức tham gia học tập bồi dưỡng kiến thức lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương; 527 viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng khác. Hiện nay, Nhà trường có 738 viên chức, người lao động; trong đó có 496 giảng viên với 01 giáo sư, 35 phó giáo sư; 247 tiến sĩ; 50 nghiên cứu sinh trong và ngoài nước.

Trường đã và đang nhận được nhiều tài trợ cho các dự án tăng cường năng lực và nghiên cứu khoa học từ các tổ chức quốc tế như Ủy ban châu Âu (European

Commission); Tổ chức Hợp tác phát triển đại học (VLIR- UOS), Cơ quan phát triển Bỉ (BTC); Viện hàn lâm khoa học thế giới (TWAS), Viện Khoa học và Công nghệ Hàn Quốc (KIST); FHI360 (Hoa Kỳ)... tăng cường sự giao lưu, kết nối, hợp tác với các nhà khoa học, các tổ chức khoa học uy tín. Nhiều công trình nghiên cứu, bài báo khoa học đã được công bố trên các tạp chí uy tín cả trong nước và quốc tế. Trường Đại học Quy Nhơn hiện đang chủ trì nhiều chương trình, đề tài cấp Quốc gia, cấp Bộ, cấp Tỉnh. Nghiên cứu khoa học cơ bản là lĩnh vực thế mạnh của Nhà Trường, và số lượng đề tài thực hiện trong lĩnh vực này ngày càng tăng nhanh chóng. Nhiều giảng viên của Trường trong lĩnh vực khoa học tự nhiên đã chủ nhiệm các chương trình, đề tài cấp Nhà nước, cấp Quốc gia thuộc Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Nafosted). Bên cạnh đó, Nhà trường chú trọng liên kết, hợp tác với các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu và địa phương để giải quyết các vấn đề thực tiễn nảy sinh. Ngoài ra, trong thời gian qua Nhà trường đã ký kết hợp tác với Trường Đại học KU Leuven chủ trì thực hiện 04 dự án do Vương quốc Bỉ tài trợ.

Từ năm 2021 đến nay, Nhà trường đã mở 09 ngành đào tạo trình độ đại học; 04 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và đang triển khai mở mới 02 ngành thạc sĩ và 02 ngành tiến sĩ. Chương trình đào tạo trình độ đại học và sau đại học định kỳ được rà soát sửa đổi, bổ sung: cập nhật chuẩn đầu ra, xác định rõ mục tiêu và cách tiếp cận, phương thức kiểm tra, đánh giá; bảo đảm mối quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra; bổ sung đề cương chi tiết các học phần; nâng cao chất lượng thực hành, thí nghiệm... qua đó đổi mới phương pháp dạy học, phát huy năng lực tự học, nâng cao chất lượng đào tạo. Các hoạt động gắn kết với doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động trong quá trình đào tạo đã được nhận thức, quan tâm và thực hiện ngày càng hiệu quả hơn.

Ngoài ra, công tác giáo dục đại học còn được triển khai tại các Trường ngoài công lập như Trường Đại học FPT – Phân hiệu tại tỉnh Bình Định, Trường Đại học Quang Trung đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại học. Bên cạnh đó, còn có sự tham gia đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp của các trường cao đẳng như Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn, Trường Cao đẳng Y tế Bình Định, Trường Cao đẳng nghề Cơ điện – Xây dựng và Nông lâm Trung bộ (trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn), góp phần cung cấp và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

- Về công tác tuyển sinh: Trong giai đoạn 2021-2024, các trường đã thực hiện linh hoạt, năng động, triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nên các năm gần đây, công tác tuyển sinh của các Trường không ngừng ổn định và tăng lên về số lượng⁹ như: Trường Đại học Quy Nhơn đào tạo sau đại học và đại học từ 4.100 – 5.100 sinh viên mỗi năm (trong đó, bậc đại học từ 3.700 - 4.600 sinh viên mỗi năm); Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn từ 1.900 - 2.100 sinh viên/học viên mỗi năm; Trường Cao đẳng nghề Cơ điện – Xây dựng và Nông lâm Trung bộ từ 1.200 – 1.400 sinh viên/học viên mỗi năm,...với nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau. Trong đó, có một số ngành như: công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI) và khối kỹ thuật được sinh viên/học viên lựa chọn cho thấy xu hướng lựa chọn ngành, nghề phù hợp với xu thế phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) hiện nay và đồng thời qua số liệu công tác tuyển sinh đào tạo của các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn

⁹ Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo Báo cáo này.

tình trong thời gian qua cũng cho thấy, số lượng sinh viên/học viên lựa chọn theo học tại các trường Cao đẳng được giữ ổn định và không ngừng tăng lên tạo sự chuyển biến tích cực, đào tạo ngày càng nhiều hơn đội ngũ công nhân lành nghề, hạn chế tình trạng “*thừa thầy, thiếu thợ*” trong xã hội đã được cảnh báo từ rất lâu.

- Công tác đào tạo nguồn nhân lực giáo dục phổ thông (trường chuyên trung học phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú, dự bị đại học...): Thực hiện rà soát, sắp xếp, quy hoạch các cơ sở giáo dục; Sắp xếp, điều chỉnh quy mô lớp học, thu gọn lại các điểm trường; Xác định biên chế giáo viên phù hợp với điều kiện của từng vùng, miền, địa phương để nâng cao chất lượng giáo dục; Tinh giản đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên trường học. Toàn tỉnh hiện có 219 trường mầm non, 205 trường tiểu học, 147 trường trung học cơ sở, 56 trường trung học phổ thông, 11 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và 01 Trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh. Các điều kiện thiết yếu đảm bảo cho hoạt động giáo dục tiếp tục được tăng cường.

Duy trì chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, duy trì vững chắc thành quả xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở: 11/11 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp: Đến nay, đã đào tạo được 104 nguồn nhân lực chất lượng cao (02 tiến sỹ, 102 thạc sỹ); đào tạo lý luận chính trị 134 người (10 cao cấp, 124 trung cấp); Đào tạo nâng chuẩn trình độ giáo viên cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở cho 163 giáo viên; Đào tạo văn bằng 2 Luật cho giáo viên Giáo dục công dân cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông cho 105 giáo viên; Bồi dưỡng đại trà cho giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông 06 mô đun theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 là 11.542 người; Bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ nhân viên y tế trường học cho 514 nhân viên, nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ giáo viên tiếng Anh cấp phổ thông theo Đề án Ngoại ngữ Quốc gia cho 647 giáo viên theo Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 03/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống trường lớp học, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 trên cơ sở rà soát thiết bị hiện có của các trường phổ thông. Nhiều địa phương tăng cường đầu tư cơ sở vật chất theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa và từng bước hiện đại. Triển khai đầu tư cơ sở vật chất cho các trường từ mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh theo Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025 theo Nghị quyết số 45/2022/NQ-HĐND ngày 07/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Tỷ lệ kiên cố hóa trường, lớp học đạt 91,95% (trong đó: Mầm non: 2.472 phòng, tỷ lệ kiên cố hóa đạt 89,89%; Tiểu học: 4.382 phòng, tỷ lệ kiên cố hóa đạt 87,65%; Trung học cơ sở: 1.980 phòng, tỷ lệ kiên cố hóa đạt 98,38%; Trung học phổ thông: 1.389 phòng, tỷ lệ kiên cố hóa đạt 100%). Thiết bị dạy học tối thiểu ở cấp mầm

non đạt tỷ lệ 65,0%, tiểu học đạt tỷ lệ 96,83%, trung học cơ sở đạt tỷ lệ 92,93% và trung học phổ thông đạt tỷ lệ 84,14%.

Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia các cấp đến năm 2024 đạt 70,38% (tăng 10,64% so với năm 2020). Trong đó, cấp mầm non đạt 45,66% (tăng 15,43% so với năm 2020); cấp tiểu học đạt 85,85% (tăng 10,37% so với năm 2020); cấp trung học cơ sở đạt 89,19% (tăng 3,28% so với năm 2020); cấp trung học phổ thông đạt 60,71% (tăng 16,27% so với năm 2020).

- Các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đã thực hiện nghiêm túc việc dạy nghề phổ thông cho học sinh, truyền thông về công tác phân luồng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh lớp 12 trung học phổ thông. Để phân luồng học sinh ngay từ trung học cơ sở, hằng năm tỉnh Bình Định chỉ tuyển từ 35% (đối với thành phố Quy Nhơn), 43% (đối với các huyện đồng bằng, trung du), 80% (đối với huyện miền núi) vào học lớp 10 trung học phổ thông công lập, số còn lại để các em và gia đình tự lựa chọn vào học trung học phổ thông công lập tự chủ hoặc tự thực, trung cấp nghề, giảm dần chỉ tiêu tuyển sinh vào trung học phổ thông hệ công lập tự chủ (1%) so với những năm trước. Một số trường Trung học đã tổ chức thực hiện việc định hướng nghề nghiệp dưới các hình thức: tham quan các nhà máy, xí nghiệp, các mô hình sản xuất kinh doanh tại địa phương, giao lưu với các nghệ nhân, doanh nhân,...

- Tăng cường mở rộng, phát triển quan hệ hợp tác với các tổ chức giáo dục quốc tế: Đẩy mạnh hợp tác quốc tế thông qua việc phối hợp với các tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài và tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục nước ngoài làm việc tại các trường phổ thông và các trung tâm ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh; tranh thủ tối đa hỗ trợ quốc tế trong lĩnh vực bồi dưỡng nâng cao năng lực của đội ngũ giáo viên ngoại ngữ; khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia hỗ trợ, hợp tác, đầu tư, cung cấp các dịch vụ dạy và học ngoại ngữ, cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ việc dạy và học.

Triển khai tư vấn du học cho giáo viên và học sinh theo Công văn của Cục Hợp tác quốc tế - Bộ Giáo dục và Đào tạo và các ngành liên quan. Duy trì các mối quan hệ hợp tác quốc tế các tổ chức quốc tế như KOICA, Trung tâm giao lưu văn hóa Nhật Bản tại Việt Nam, Quỹ khuyến học Lotte & Quỹ Hòa Bình Hàn Việt, trường Đại Học Chuo Gakuin Aomori Nhật Bản, Cơ quan hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (KOICA), trường Đại học FulBright...; Ký kết với Quỹ khuyến học Lotte và Quỹ Hòa Bình Hàn Việt về việc hợp tác thực hiện dự án cải thiện môi trường giáo dục tại tỉnh Bình Định; Triển khai dạy tiếng Nhật cho học sinh trường THPT chuyên Lê Quý Đôn; phối hợp với Trung tâm Giao lưu Văn hóa Nhật Bản tại Việt Nam tiến hành chương trình phái cử Cộng sự tiếng Nhật theo sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo đến làm việc tại trường THPT chuyên Lê Quý Đôn để tham gia giảng dạy tiếng Nhật, bồi dưỡng giáo viên tiếng Nhật cho người Việt về phương pháp giảng dạy, tổ chức các hoạt động giao lưu, giới thiệu văn hóa Nhật Bản; phối hợp với đại diện Ban tuyển sinh trường Aomori Chuo Gakuin, Nhật Bản trong việc xét cấp học bổng cho học sinh các trường THPT trên địa bàn tỉnh sang Nhật học tập.

Trường Đại học Quy Nhơn trong giai đoạn 2021-2024, đã mở mới các ngành

Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Kỹ thuật ô tô, Khoa học dữ liệu, Trí tuệ nhân tạo đáp ứng sự khan hiếm nhân lực trong phát triển dịch vụ logistics và phục vụ nhu cầu chuyển đổi số và để có đủ nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu mở ngành và duy trì ngành, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo, Trường đã không ngừng gia tăng nguồn nhân lực thông qua các hoạt động tuyển dụng và chính sách thu hút, đã tuyển dụng 54 viên chức, trong đó có 26 giảng viên và 28 chuyên viên, đồng thời tiếp nhận 21 giảng viên từ các đơn vị khác chuyển về công tác tại Trường.

- Về chi ngân sách địa phương cho giáo dục - đào tạo và dạy nghề giai đoạn 2021-2024¹⁰: Hoạt động giáo dục - đào tạo và dạy nghề rất được quan tâm và theo đó chi ngân sách địa phương cho các lĩnh vực này không ngừng được tăng lên theo từng năm. Nếu năm 2021, ngân sách đã chi cho các lĩnh vực này là 3.621 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 14,4% tổng chi ngân sách địa phương thì đến năm 2024 là 4.044 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 21,0% tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn toàn tỉnh.

(Chi tiết có Phụ lục 03 và Phụ lục 04 kèm theo)

1.2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Tồn tại, hạn chế

+ Chất lượng đào tạo nghề chưa cao, còn thiếu các chuyên gia giỏi về các lĩnh vực mà Tỉnh có nhu cầu. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chưa tập trung nhiều vào một số ngành, lĩnh vực mà tỉnh đang cần như: quy hoạch, kiến trúc, quản lý đô thị, hành chính công, du lịch, giáo dục, công nghiệp, nông nghiệp, nghiên cứu khoa học, công nghệ thông tin....

+ Nguồn nhân lực ở một số ngành, lĩnh vực sau khi đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động, doanh nghiệp phải đào tạo lại, hoặc một số ngành, nghề sau khi tốt nghiệp khó tìm việc làm, buộc họ phải làm trái với ngành nghề đào tạo hoặc đến địa phương khác để tìm việc làm.

+ Hệ thống vị trí việc làm vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, khó khăn trong việc xác định định mức lao động và số lượng người làm việc đối với các hệ thống hỗ trợ phục vụ đào tạo. Do đó, chưa xây dựng được hệ thống đánh giá theo vị trí việc làm và chính sách tiền lương theo vị trí việc làm.

+ Một số giảng viên có trình độ cao chuyển công tác hoặc thôi việc gây ảnh hưởng đến quá trình hoạt động và thực hiện kế hoạch, chiến lược phát triển của các Trường, cơ sở đào tạo.

- Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

+ Một số chuyên ngành mới đòi hỏi trình độ giảng viên ở lĩnh vực đó phải đáp ứng đủ số lượng và trình độ chuyên môn theo quy định, thêm vào đó cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy phải đảm bảo theo yêu cầu.

+ Cơ chế đãi ngộ còn chưa đủ hấp dẫn để thu hút và giữ chân nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là trong các ngành khoa học, công nghệ và khởi nghiệp để dẫn đến nghỉ việc hoặc chuyển công tác đến đơn vị khác có điều kiện tốt hơn.

¹⁰ Chi tiết tại Phụ lục 04 kèm theo Báo cáo này.

2. Về sử dụng nguồn nhân lực, nguồn nhân lực chất lượng cao

2.1. Kết quả đạt được

- Về kết quả tuyển dụng công chức thực hiện theo quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ.

Về tuyển dụng viên chức: Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tuyển dụng viên chức theo phân cấp quản lý và bảo đảm theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

Trong giai đoạn 2021-2024¹¹, kết quả tuyển dụng công chức, viên chức tỉnh Bình Định cụ thể như sau:

+ Năm 2021: Tuyển dụng được 302 viên chức cấp tỉnh, huyện; 43 công chức cấp xã.

+ Năm 2022: Tuyển dụng được 694 viên chức cấp tỉnh, huyện; 72 công chức cấp xã.

+ Năm 2023: Tuyển dụng được 932 viên chức cấp tỉnh, huyện.

+ Năm 2024: Tuyển dụng được 879 viên chức cấp tỉnh, huyện (trong đó, 717 sự nghiệp giáo dục và đào tạo, 117 sự nghiệp y tế, 45 sự nghiệp khác).

Ngoài ra, các cơ sở đào tạo, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh căn cứ nhu cầu sử dụng lao động tiến hành thực hiện việc tuyển dụng để phục vụ cho hoạt động giảng dạy, đào tạo và sản xuất, kinh doanh...

- Chính sách thu hút, đãi ngộ nguồn nhân lực chất lượng cao thực hiện theo Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 08/08/2022 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 – 2025 và thực hiện Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh kéo dài thời gian thực hiện Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ giai đoạn 2016 - 2021).

Giai đoạn 2021-2024, ngành Y tế đã tổ chức tuyển dụng được 112 bác sĩ, dược sĩ đại học diện thu hút với tổng kinh phí là 13,21 tỷ đồng¹². Trong đó, Năm 2021, ngành đã thu hút được 18 bác sĩ với tổng kinh phí 2,06 tỷ đồng; Năm 2022, ngành đã thu hút được 37 bác sĩ, dược sĩ đại học với tổng kinh phí 4,32 tỷ đồng; Năm 2023, ngành đã thu hút được 15 bác sĩ với tổng kinh phí 1,79 tỷ đồng; Năm 2024, ngành đã thu hút được 42 bác sĩ diện thu hút với tổng kinh phí 5,04 tỷ đồng;

Trong giai đoạn này, ngành Y tế đã có 176 bác sĩ, dược sĩ đại học được hưởng chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà ở với tổng kinh phí 676 triệu đồng; Và có 942 bác sĩ, dược sĩ đại học được hưởng chính sách ưu đãi, với tổng kinh phí 28.188 triệu đồng.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được quan tâm: Từ năm 2021 đến nay, có 785 cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo trình độ sau đại

¹¹ Theo số liệu báo cáo của Sở Nội vụ.

¹² Theo số liệu báo cáo của Sở Y tế.

học (trong đó: 462 thạc sĩ và 275 chuyên khoa cấp I; 06 Tiến sĩ, 42 chuyên khoa cấp II); có 10.935 lượt cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý, kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm (trong đó cán bộ, công chức, viên chức từ cấp huyện trở lên: 7.105 lượt người; cán bộ, công chức cấp xã: 3.830 lượt người). Tổng kinh phí thực hiện đào tạo, bồi dưỡng: 7,949 tỷ đồng.

2.2. Tôn tại hạn chế, nguyên nhân

2.2.1. Tôn tại, hạn chế:

- Một số cơ quan, đơn vị, lãnh đạo chưa quan tâm đúng mức công tác phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, công tác đào tạo, bồi dưỡng còn một số hạn chế nhất định.

- Việc tổ chức thực hiện, giám sát, theo dõi, kiểm tra và đánh giá các hoạt động của công chức, viên chức, người lao động còn thực hiện thủ công, bước đầu số hóa một số công việc, do đó chưa có tính đồng bộ trong toàn hệ thống, điều này gây mất nhiều thời gian và chưa đạt hiệu quả cao trong sử dụng nhân lực.

- Triển khai chính sách thu hút, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh vẫn chủ yếu tập trung trong lĩnh vực y tế.

- Việc triển khai xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật còn chậm, việc sử dụng các mức chi phí đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng các nghề trên địa bàn tỉnh chưa thay đổi nhiều, một số nghề vẫn còn sử dụng mức chi phí đào tạo cũ, định mức thấp.

2.2.2. Nguyên nhân của tôn tại, hạn chế

- Một số địa phương, đơn vị còn thiếu chủ động, quyết liệt trong việc khảo sát, rà soát xây dựng nhu cầu thu hút nhân lực chất lượng cao và lao động tay nghề cao.

- Trên lĩnh vực y tế, do tác động của cơ chế thị trường nên đã có một số bác sĩ có tay nghề cao thường bỏ việc để tìm đến những nơi làm việc có thu nhập cao hơn; Cán bộ được cử đi học bác sĩ hoặc bác sĩ chính quy mới ra trường cũng ít muốn về lại địa phương công tác. Số lượng bác sĩ cử đi đào tạo còn hạn chế; Kinh phí đào tạo do đơn vị phải tự chi trả trong khi hầu hết các đơn vị đều gặp khó khăn về tài chính nhất là các đơn vị tuyến huyện, các bệnh viện chuyên khoa.

- Nguồn lực đầu tư cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực còn ít, chưa đáp ứng được so với nhu cầu thực tế.

- Chưa có các văn bản hướng dẫn cụ thể của cấp trên về xác định định mức lao động đối với viên chức phục vụ đào tạo và xây dựng chính sách tiền lương theo vị trí việc làm.

- Công tác chuyển đổi số của một số cơ sở đào tạo còn chậm, hệ thống hạ tầng số chưa đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số vì hạn chế về nguồn lực tài chính; năng lực số của đội ngũ phục vụ công tác đào tạo còn hạn chế.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG, BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung

- Trong giai đoạn 2021-2024, các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đã tổ chức quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện đạt được nhiều kết quả tích cực. Tỉnh đã chủ động ban hành Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 - 2025”; Ban hành Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 04 năm 2022 của UBND tỉnh kéo dài thời gian thực hiện Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 01/10/2015; Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và các chính sách ưu đãi, trợ cấp, hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng khác cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nhằm thu hút, tuyển dụng, sử dụng, bố trí đội ngũ nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong hệ thống chính trị có sự chuyển biến tích cực, đặc biệt chú trọng tới cơ cấu, độ tuổi, cán bộ nữ, trẻ, cán bộ dân tộc thiểu số. Chất lượng quy hoạch từng bước nâng lên tạo tiền đề để công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngày càng đạt kết quả tốt hơn.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có nhiều chuyển biến tích cực; Trình độ lý luận chính trị từng bước được chuẩn hóa; Kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ không ngừng được nâng lên đã góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực, phong cách làm việc khoa học, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Chất lượng giáo dục - đào tạo có sự chuyển biến đáng kể, ngành giáo dục đào tạo tỉnh đã tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng dạy và học; triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đúng quy định, đúng lộ trình.

- Trên lĩnh vực y tế, nhiều bác sĩ được cử đi đào tạo để tiếp nhận, triển khai các kỹ thuật điều trị mới, hiện đại tại Hà Nội, Huế, thành phố Hồ Chí Minh. Tổ chức bồi dưỡng, đào tạo lại cho viên chức y tế tuyến xã trong các lĩnh vực y tế công cộng, dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, cấp cứu và khám chữa bệnh ban đầu; Trình độ tay nghề của đội ngũ thầy thuốc ngày càng được nâng cao, một số lĩnh vực khám chữa bệnh được thực hiện tại tỉnh nhà đã có nhiều tiến bộ như kỹ thuật chụp cộng hưởng từ hạt nhân, kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính, tầm soát ung thư, phẫu thuật nội soi, hóa trị, xạ trị...

- Công tác đào tạo nghề đã được quan tâm đáng kể, có sự mở rộng và đa dạng hóa về ngành nghề đào tạo, loại hình đào tạo, các ngành nghề trọng điểm được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã được quan tâm đầu tư hơn.

- Một số cơ quan, đơn vị đã chủ động thực hiện linh hoạt các chế độ về tiền lương, thưởng, phúc lợi hấp dẫn...thúc đẩy tinh thần hăng say làm việc, đổi mới sáng tạo, nâng cao kỹ năng và năng suất lao động của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh.

- Đội ngũ doanh nhân trẻ, giỏi, người lao động có trình độ cao phát triển ngày

càng lớn mạnh trong xã hội, đóng góp đáng kể cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói riêng và của đất nước nói chung.

2. Bài học kinh nghiệm

- *Một là*, những nơi cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị dành sự quan tâm chỉ đạo đúng mức cho công tác phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; thực thi nhiệm vụ; lương, thưởng; môi trường làm việc...) thì nơi đó đạt kết quả tốt.

- *Hai là*, có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích động viên; Bố trí, sắp xếp nhân lực hợp lý, đúng chuyên môn, nghiệp vụ đào tạo sẽ tạo điều kiện để công chức, viên chức, người lao động phát huy hết tài năng, chuyên môn, nghiệp vụ trong công việc.

- *Ba là*, các cơ quan, đơn vị đẩy mạnh công tác chuyển đổi số thì công tác quản lý, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá chất lượng nguồn nhân lực sẽ thực hiện rất khoa học và hiệu quả rõ rệt.

- *Bốn là*, tăng cường đổi mới phương thức làm việc, công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát huy tinh thần tự học, tự trau dồi và phát triển của mỗi cá nhân công chức, viên chức và người lao động thì sự chuyển biến về hiệu quả công việc, năng suất lao động, đáp ứng các yêu cầu khác của người sử dụng lao động trong giai đoạn mới sẽ tốt hơn.

- *Năm là*, thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, dân chủ, công khai, minh bạch trong công tác quản trị, quản lý, điều hành cơ quan, đơn vị; xây dựng môi trường làm việc đoàn kết, thống nhất, dân chủ; phát huy được sức mạnh tập thể, sự sáng tạo, năng lực, kinh nghiệm, sở trường của cá nhân trong sự nghiệp đổi mới toàn diện giáo dục, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

V. GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ

1. Nhóm giải pháp về thể chế chính sách

- Nghiên cứu, ban hành Chính sách mới đủ mạnh để thực sự hấp dẫn thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng sự nghiệp đổi mới của tỉnh.

- Từng bước nghiên cứu để có phương pháp phát hiện và có chính sách riêng để bồi dưỡng nhân tài, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, tránh cào bằng; Nghiên cứu xây dựng tiêu chí cụ thể để lựa chọn người tài, trọng dụng người tài thực sự tạo động lực phấn đấu trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và công chức, viên chức.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI), công nghiệp bán dẫn của tỉnh để cụ thể hóa Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình “Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050” nhằm cung cấp nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực này trên địa bàn tỉnh.

- Có cơ chế phát triển đội ngũ giảng viên một cách toàn diện có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, năng lực nghiên cứu khoa học, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học và nâng cao năng lực số cho toàn thể viên chức của các Trường.

- Tiếp tục điều chỉnh, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm trên cơ sở đó bố trí, sắp xếp lại công việc một cách phù hợp; cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của từng chức danh; thực hiện nghiêm túc quy định về tiêu chí đánh giá xếp loại viên chức, người lao động gắn với hiệu quả công việc. Xây dựng hệ thống đánh giá hiệu suất thực hiện công việc (KPIs).

- Hoàn thiện chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực: Cần điều chỉnh các chính sách đào tạo nghề và giáo dục đại học để đáp ứng nhu cầu phát triển của nền kinh tế, đặc biệt là các ngành công nghiệp 4.0, công nghệ thông tin, khoa học dữ liệu và khởi nghiệp sáng tạo.

- Đảm bảo bình đẳng giới và công bằng xã hội trong sử dụng lao động: Cần có các cơ chế chính sách thúc đẩy sự tham gia của nữ giới, người khuyết tật và các nhóm lao động yếu thế vào thị trường lao động, đảm bảo cơ hội bình đẳng cho tất cả mọi người.

- Thực hiện cải cách, nâng cao chế độ, chính sách tiền lương, phụ cấp đối với đội ngũ công chức, viên chức.

2. Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện

- Thực hiện có hiệu quả các quy định về tuyển dụng, đào tạo, luân chuyển, bổ nhiệm đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với Đề án vị trí việc làm.

- Tiếp tục đổi mới tư duy quản lý, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính tiến tới thực hiện tự chủ toàn diện. Tăng cường đầu tư hạ tầng số, chuẩn hóa, quy trình hóa, số hóa hoạt động của bộ máy hành chính, của hệ thống quản lý các cấp hướng đến chuyển đổi số trong toàn bộ hoạt động của các Trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác đào tạo nghề nhằm đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp có sử dụng lao động có kỹ thuật, lao động qua đào tạo nghề.

- Các Trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác đào tạo, nghiên cứu mở một số ngành, nghề liên quan đến những lĩnh vực mà Tỉnh đang có nhu cầu và định hướng phát triển trong thời gian tới; Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường hợp tác, liên kết trong nước và quốc tế về đào tạo.

- Tăng cường sự hợp tác, liên kết trong đào tạo nghề gắn với tạo việc làm, sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo cũng như việc đào tạo nghề phải gắn với nhu cầu của người sử dụng lao động, đảm bảo đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tế của thị trường lao động, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tăng cường dự báo cung - cầu thị trường lao động.

- Chấn chỉnh và tăng cường giám sát việc thực hiện các chính sách, pháp luật trong việc đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đảm bảo rằng các chính sách phát triển nguồn nhân lực được triển khai hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động.

- Đẩy mạnh các chương trình đào tạo trực tuyến và đào tạo liên tục, tăng cường

ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đào tạo nghề, giáo dục đại học và đào tạo lại cho người lao động, đặc biệt là trong bối cảnh chuyển đổi số và yêu cầu về kỹ năng mềm ngày càng cao.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và hiệu quả, chất lượng hoạt động của tổ chức bộ máy, các cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục.

- Tiếp tục hỗ trợ và tạo điều kiện để các dự án đang triển khai hoạt động tại tỉnh như Tập đoàn TMA, các dự án trong Khu công viên phần mềm Quang Trung..., hỗ trợ Dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo (AI) do Tập đoàn FPT làm chủ đầu tư, các dự án trong Khu công nghiệp Becamex... để các dự án sớm hoàn thành đưa vào hoạt động.

3. Nhóm giải pháp về nguồn lực

- Tiếp tục cân đối, bố trí nguồn kinh phí đầu tư từ ngân sách Nhà nước để tăng cường cơ sở vật chất, kiên cố hóa trường học và xây dựng trường chuẩn quốc gia, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Hướng dẫn các đơn vị tháo gỡ những vướng mắc trong cơ chế tự chủ tài chính.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, tăng cường thu hút các dự án vốn ngoài ngân sách nhà nước, dự án đối tác công, tư trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, huy động có hiệu quả các nguồn lực của toàn xã hội cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Thu hút đầu tư các cơ sở đào tạo nghề, trường đại học và các trung tâm nghiên cứu khoa học công nghệ để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Tăng cường kinh phí đầu tư, huy động nguồn lực cho công tác nghiên cứu khoa học, khoa học ứng dụng, đẩy mạnh đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực trong các lĩnh vực như công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI), khoa học dữ liệu....

- Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác quốc tế và trong nước giữa doanh nghiệp, tổ chức, nhà trường xã hội để tăng cường nguồn lực cũng như kinh nghiệm quản lý, đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao để sau khi đào tạo có thể đáp ứng được nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động.

4. Đề xuất, kiến nghị với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan, tổ chức có liên quan

- Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình “Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050”, UBND tỉnh sẽ có kế hoạch triển khai công tác đào tạo, chuẩn bị nguồn nhân lực thuộc các lĩnh vực này. Vì vậy, trong thời gian tới kiến nghị với Chính phủ hỗ trợ Tỉnh trong việc thu hút các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI), công nghiệp bán dẫn... để đảm bảo việc sau khi đào tạo nguồn nhân lực cho lĩnh vực này thì sẽ có được đầu ra, nhân lực được đào tạo sẽ có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo, phát huy được sở trường, năng lực chuyên môn, tạo ra sản phẩm trí tuệ, giá trị cao cho xã hội.

- Hoàn thiện các quy định pháp luật về xác định số lượng người làm việc và cơ chế trả lương theo vị trí việc làm đối với cán bộ công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị trong khối Nhà nước.

Trên đây là báo cáo chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển và sử dụng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao” giai đoạn 2021 – 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Định. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: KHĐT, Nội vụ; Tài chính; Y tế; GDĐT; LĐTBXH;
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K7.

Munt

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh